

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đạo

2. Ông Đặng Hoàng Mích .

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 256/ 2022/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 .

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Nguyễn Thị Bạch T1, sinh năm: 1983

- Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1979

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Th, huyện B, tỉnh E.

Bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Phụng Hảo sinh năm 1989 tham gia gia tố tụng theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/01/2024.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn B (tên gọi khác Phan Văn B), sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Th, huyện B, tỉnh E.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phan Thị Đ, sinh năm: 1957 (Có mặt)

-Trần Thị Diễm H, sinh năm: 1984 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp , xã TH, huyện B, tỉnh E.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/09/2013 là vô hiệu

- Ông Nguyễn Văn B (Phan Văn B), bà Phan Thị Đ, bà Trần Thị Diễm H có trách nhiệm mở lối đi qua bất động sản liền kề cho bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1.

Buộc ông Nguyễn Văn B(Phan Văn B), bà Phan Thị Đ, bà Trần Thị Diễm H phải hạn chế quyền sử dụng đất để mở lối đi cho bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 có diện tích 140,2m² thuộc một phần thửa 219, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp Bình Thanh 3 xã Thạnh Trị huyện B, tỉnh E, chiều cao lối đi là 04m. *(Tứ cận phần đất có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 02/02/2022 kèm theo)*

- Các đương sự nghĩa vụ liên hệ với ủy ban nhân dân huyện B chi Nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện B để đăng ký biến động và hạn chế quyền sử dụng đất mở lối đi theo quy định của pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới phải đền bù giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn B (Phan Văn B), bà Phan Thị Đ là số tiền 75.000.000đồng (Bảy mươi lăm triệu).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa bà Trần Thị Diễm Hồng xác nhận phần đất thửa 219, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại ấp Bình Thanh 3 xã Thạnh Trị huyện B, tỉnh E là của ông Nguyễn Văn B(Phan Văn B) nên không được hưởng đền bù giá trị quyền sử dụng đất.

- Về cho phí tố tụng khác (đo đạc, định giá): Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 tự nguyện chịu chi phí đo đạc, định giá với số tiền là 2.824.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B, Bà Phan Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với hợp đồng vô hiệu, và án phí phạt nghĩa vụ bồi thường nhưng ông B, bà Đ do cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009496 ngày 14/10/2022; số 0010350 ngày 05/12/2022; số 0000669 ngày 8/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E. Vậy bà Nguyễn Thị Bạch T1, ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới nộp tiếp án phí là 2.850.000đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương